TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N
Bản án số: 29/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19/11/2019
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Duy Quyết và** ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1976; địa chỉ xóm 2, xã S, huyện V, tỉnh N; (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Lương Á**, sinh năm 1973; địa chỉ xóm 2, xã S, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22 tháng 5 năm 2019, và các bản tự khai biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Trần Thị Đ trình bày: Giữa chị Trần Thị Đ và bị đơn là anh Nguyễn Lương Á, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 10 năm 2002, tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh H. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại xóm 2, xã S, huyện V, tỉnh N. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Lương Á chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh Á không tu trí làm ăn, thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con,

nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho tới nay. Chị Đ thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Lương Á.

Về con chung chị Trần Thị Đ trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Nguyễn Lương N, sinh ngày 12/01/2007; cháu nhỏ là Nguyễn Thị Uyên N, sinh ngày 03/11/2013. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị Đ đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Nguyễn Lương Á phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Lương Á trình bày: Anh thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như chị Đ đã trình bày, về tình trạng hôn nhân anh Á xác nhận hiện nay vợ chồng đã sống li thân. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, anh Nguyễn Lương Á không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Lương Á thừa nhận về số con chung như chị Đ đã trình bày. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh Á đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Lương N cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Uyên N sau ly hôn, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Lương Á không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Lương Á; anh Nguyễn Lương Á có nơi cư trú tại xã S, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Lương Á (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Lương Á trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh H vào ngày 18 tháng 10 năm 2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh Á thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con, khi được chị Đ và gia đình khuyên bảo nhưng anh Á không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Việc anh Á xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại các buổi hòa giải anh Á đều xác nhận biên bản ghi đúng ý kiến của anh, nhưng anh không kí biên bản, các ngày xét xử đều vắng mặt không có lí do. Như vậy, việc anh Á không đồng ý li hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận. Điều này phù hợp với bản tường trình ngày 09/9/2019 do chị Đ giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng xóm 2 và UBND xã S. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh Á đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Lương Á có hai con chung, cháu lớn là Nguyễn Lương N, sinh ngày 12/01/2007; cháu nhỏ là Nguyễn Thị Uyên N, sinh ngày 03/11/2013. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ và anh Á có hai con chung cháu N đã trên ba tuổi, cháu N đã trên bẩy tuổi, chị Đ là công nhân của Công ty TNHH MCNEX VINA công tác ổn định. Anh Á là người lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Trong thời gian trước đây và hiện nay các con chung của chị Đ và anh Á đều được nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Thị Uyên N cho chị Trần Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Nguyễn Lương N cho anh Nguyễn Lương Á là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Nam và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Lương Á không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Lương Á được ly hôn;

2. Về con chung.

Giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Uyên N, sinh ngày 03/11/2013;

Giao cho anh Nguyễn Lương Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Lương N, sinh ngày 12/01/2007;

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 19/11/2019 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Á và chị Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001246 ngày 06/6/2019.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐONG XET XU SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành